

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :307

Sang : Bánh mì ốp la nộm măng
NT, măng: cháo cà lóc rau mong tời
Sữa grow
Trưa : Cơm thòt gà kho sả nghệ. Canh khoai
mô tôm tời thòt heo nạc rau hưng
Món xào: giá hẹ nam
Xe: bánh flan
Xe chiều:Cháo thòt tim heo hạt sen khoai tây
cà rốt mè

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37019				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (mười)	1,000	1,060	10,600
2	Tôm biền	1,500	34,970	524,550
3	Cà lóc	3,000	18,480	554,400
4	Nộm măng Cà (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nông cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Nghệ tời	300	5,460	16,380
9	Gạo tẻ máy	24,000	2,630	631,200
10	Mè (vòng)	300	11,880	35,640
11	Hạnh lã	1,500	8,400	126,000
12	Hạnh củ tời	1,000	6,300	63,000
13	Cà rốt	2,500	5,670	141,750
14	Giá nấu xanh	2,500	2,730	68,250
15	Nam rôm	500	14,180	70,900
16	Khoai tây	3,000	3,990	119,700
17	Rau mong tời	2,500	5,040	126,000
18	Sả	300	2,840	8,520
19	Khoai mô	10,000	5,040	504,000
20	Rau hưng	100	12,920	12,920
21	Hẹ lã	1,000	6,090	60,900
22	Hạt sen tời	500	39,270	196,350
23	Bánh mì lát	11,500	4,600	529,000
24	Bánh flan	30,700	6,770	2,078,390
25	Thòt lợn nạc	7,300	17,850	1,303,050
26	Thòt gà loại 1	9,500	12,920	1,227,400
27	Tim lợn	2,000	26,150	523,000
28	Trứng gà toàn phần	13,000	4,400	572,000
Cong				10,032,200
*XUẤT KHO				
29	Sữa bột Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cong				1,332,500
Tổng tiền thức phẩm				11,364,700 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11359000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-5700(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				